|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

**Tiết 33-34-35**

**CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**- *Han Cri-xti-an An- đéc- xen-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Chủ đề của bài học: Yêu thương và chia sẻ.

- Tri thức Ngữ văn: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện kể.

- Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện “Cô bé bán diêm”.

- Niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện “Cô bé bán diêm”.

+ Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba; niềm thương cảm sâu sắc của tác giả đối với số phận của những người nghèo khổ, bất hạnh, đặc biệt là những em bé.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

**3. Về phẩm chất:** Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học; giấy A1 hoặc bảng nhóm, bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** GV chiếu clip về việc người đi đường vô cảm trước vụ tai nạn giao thông hoặc clip “hôi” bia ở Đồng Nai

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chiếu clip: <https://www.youtube.com/watch?v=XEw5mEmSus8>

và yêu cầu học sinh quan sát,chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ khi xem video.

*<?> Nếu phải dùng một từ để nói về video thì em sẽ dùng từ nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân.

- GV gợi mở.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài:

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Chủ đề của bài học: yêu thương và chia sẻ.

- Tri thức Ngữ văn: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện kể.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với câu hỏi gợi mở: *Các em quan sát SGK trang 60 và cho cô biết:*  *+ Tên bài, đề từ của văn bản hướng đến vấn đề nào? Qua đó con hiểu gì về chủ đề?(\*)*  *+ Để thể hiện chủ đề, bài học đưa vào mấy ngữ liệu? Thể loại chính của các ngữ liệu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK tìm câu trả lời.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học**  - Chủ đề: Sự yêu thương và chia sẻ  - Ngữ liệu:  + Cô bé bán diêm  + Gió lạnh đầu mùa  + Con chào mào  + Lắc- ki thật sự may mắn  - Thể loại chính: Truyện ngắn |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức thảo luận nhóm theo hình thức cặp đôi, kết hợp phát **PHT số 1** cho học sinh.  *+ Yêu cầu một em học sinh đọc nội dung của phiếu (\*)*  *+ Trả lời các câu hỏi trong phiếu.*  *+ Từ ví dụ vừa phân tích, em hãy cho biết trong truyện kể, nhân vật thường được miêu tả ở những khía cạnh, đặc điểm nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi, tìm câu trả lời.  - GV quan sát, tháo gỡ khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi-> nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận ( màn hình).  (\*) PHT số 1  Câu 1: già lọm khọm, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi, bàn tay sưng húp, bẩn thỉu  Câu 2: - Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.  Câu 3: Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay.  Câu 4: Tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì từ ông lão. | **\* Tri thức Ngữ văn: Miêu tả nhân vật trong truyện kể**  - Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,…); các chi tiết ngoại hình không chỉ giúp người đọc hình dung về vẻ ngoài của nhân vật mà còn thể hiện được đặc điểm tính cách, số phận (liên hệ đến người ăn xin hoặc Chí Phèo…)  - Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh; là căn cứ để xác định tính cách. (Liên hệ đến nhân vật “tôi” hoặc Mã Giám Sinh…)  - Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại;  - Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi. Lựa chọn 1 từ khóa mà em cảm thấy phù hợp nhất với mình.  *Câu 1: “Tên chúa tàu ấy cao lớn, vãm vỡ, da lưng sạm như gạch nung. Trên má hắn có một vết sẹo chém dọc xuống, trắng bệnh” nhắc đến đặc điểm nào của nhân vật?*  *Câu 2: “Hơn hai chục thanh niên cả nam cả nữ, mỗi người vác một củi vẹt, nhảy xuống dòng nước đang cuốn dữ” nhắc đến đặc điểm nào của nhân vật?*  *Câu 3: “Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa…” nhắc đến đặc điểm nào của nhân vật?*  *Câu 4: “Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường” nhắc đến đặc điểm nào của nhân vật?*  *Câu 5: “- A Cổ hả? Lớn tướng rồi nhỉ? Bố cháu có gửi pin đài lên cho ông không?*  *Câu 6: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…là dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục*  *Câu 7: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…là những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật.*  *Câu 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…là lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hình thức đối thoại và độc thoại*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cá nhân HS chuẩn bị tâm thế sẵn sang tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân HS xung phong lựa chọn và trả lời câu hỏi tương ứng, nếu sai ở câu hỏi nào thì dừng lại ở câu hỏi đó. HS khác tiếp tục tham gia.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | Gợi ý:  Câu 1: Ngoại hình  Câu 2: Hành động  Câu 3: Hành động  Câu 4: Thế giới nội tâm  Câu 5: Ngôn ngữ (đối thoại)  Câu 6: Ngoại hình  Câu 7: Thế giới nội tâm  Câu 8: Ngôn ngữ |

**Hoạt động 2: Đọc văn bản “ Cô bé bán diêm”**

**a. Mục tiêu**:

- Người kể chuyện ngôi thứ ba; ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm của nhân vật trong truyện “ Cô bé bán diêm”.

- Niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.

- Bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **1.1 Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Trình bày những hiểu biết của em về tác giả An- đéc- xen.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác SGK/65, chắt lọc kiến thức để trả lời.  GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày.  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá, bổ sung hoàn thiện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức lên màn hình ( đồng thời chiếu chân dung tác giả, một số tác phẩn tiêu biểu) | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen;  - Năm sinh – năm mất: 1805 – 1875;  - Quê quán: Đan Mạch;  - Là nhà văn chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Bằng trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn, ông đã sáng tạo nên một thế giới huyền ảo mà rất gần gũi với con người, cuộc sống đời thường. |
| **1.2 Tìm hiểu tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích. Lưu ý quan sát các hộp chỉ dẫn khi đọc.  - GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi:  *+ Truyện* ***Cô bé bán diêm*** *được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy ?*  *+ Nhân vật chính trong VB là ai?*  *+ Phương thức biểu đạt của VB là gì?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản.  - GV lưu ý HS quan sát hộp chỉ dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV gọi HS đọc bài.  - Cá nhân HS tham gia trò chơi ô chữ bí mật để giải nghĩa các chú thích; thảo luận nhóm bàn để trả lời các câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, uốn nắn cách đọc, thái độ học tập. | **2. Tác phẩm**  - *Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của Andersen.  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự;  - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **2.1. Tìm hiểu nhân vật cô bé bán diêm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát **PHT số 2** để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bối cảnh diễn ra câu chuyện và cảnh ngộ của em bé.  - HS làm việc nhóm đôi  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập  - Gv quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả thảo luận; nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật cô bé bán diêm**  ***a. Bối cảnh diễn ra câu chuyện và cảnh ngộ của cô bé bán diêm***  - Bối cảnh diễn ra câu chuyện:  + Thời gian: Đêm khuya, gần giao thừa  + Không gian: Nhiều người qua lại nhưng không ai đoái hoài  + Thời tiết: Gió rét dữ dội  - Cảnh ngộ  + Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán;  + Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;  + Phải đi bán diêm để kiếm sống; ngồi nép ở góc tường không dám về nhà vì sợ cha đánh khi chưa bán được diêm;  🡺 Tình cảnh khổ cực tội nghiệp, đáng thương; Cô độc, đói rét, bị đày ải mà không được ai đoái hoài, quan tâm, giúp đỡ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên cho học sinh quan sát hình ảnh, kết hợp đọc sách giáo khoa, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu các chi tiết miêu tả ngoài hình cô bé bán diêm?*  *+ Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống nhân vật?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, chắt lọc kiến thức, tìm câu trả lời.  - Gv quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | ***b. Ngoại hình của cô bé bán diêm***  - Đầu trần, bông tuyết bám đầy trên tóc xõa thành từng búp trên lưng  - Đi chân đất, đỏ ửng lên rồi tím bầm lại;  - Mặc chiếc tạp dề cũ kĩ.  => Cuộc sống vất vả, nghèo khổ, đói rét, thiếu tình yêu thương, sự quan tâm |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát **PHT số 3**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các lần quẹt diêm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận và thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập  - Gv quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả thảo luận; nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  => Trình tự xuất hiện của các hình ảnh là phù hợp: theo cấp độ từ vật chất đến tinh thần, bởi lẽ suy cho cùng, khát khao lớn nhất của mỗi người là nhận được tình yêu, hạnh phúc tức những giá trị tinh thần. Đồng thời thể hiện được tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em. | ***c. Những lần quẹt diêm và mong ước của cô bé bán diêm***  - Lần 1: Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng 🡺 Vì em đang chịu đựng cái rét dữ dội, muốn được sưởi ấm;  - Lần 2: Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay… 🡺 Vì em đang đói, muốn được ăn  - Lần 3: Cây thông Noel, ngọn nến sáng rực, lấp lánh… 🡺 Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới an lành;  - Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm cười với em 🡺 Em đang khao khát tổ ấm, tình yêu thương, hạnh phúc, sự chở che  - Lần 5 em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao: Thấy hình ảnh bà em to lớn và đẹp lão, bà cầm tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao🡺khát khao cháy bỏng của cô bé về một cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc, không còn cô độc, đớn đau  => Trình tự xuất hiện của các hình ảnh là phù hợp, không thể thay đổi. |
| **2.2. Tìm hiểu thái độ của người kể chuyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn.  *+ Nêu cảm nhận của em về về thái độ của người kể chuyện đối với cô bé bán diêm và phân tích một số chi tiết làm cơ sở cho cảm nhận đó?*  *+ Qua cách kể chuyện, em cảm nhận như thế nào về cô bé bán diêm?*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, đưa ra ý kiến cá nhân; làm việc nhóm thống nhất ý kiến chung.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Thái độ của người kể chuyện**  - Xót xa, thương cảm  + Thể hiện qua cách miêu tả ngoại hình và cảnh ngộ : Đầu trần, chân đất, chân đỏ ửng lên, rồi bầm tím lại vì rét ; Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc…  + Câu chuyện về đôi giày của em : đi giày do mẹ để lại, một chiếc bị dính bào bánh xe tuyết, một chiếc bị một thằng bé lượm được và có ý định giữ lại để làm nôi cho chó…  + Em ngồi nép mình ở góc tường và không dám về nhà vì sẽ bị cha đánh…  + Sự tương phản giữa những ảo ảnh (lò sưởi, đồ ăn, cây thông, bà nội) với hiện thực phũ phàng khi diêm tắt  - Yêu thương, trân trọng  + Trân trọng khi kể về những mộng tưởng của em  + Miêu tả cái chết của em bé với hình ảnh đôi má hồng, đôi môi đang mìm cười  + Có lẽ, để em bé chết, về với Thượng đế cũng là cách thể hiện sự yêu thương, trân trọng bởi vì từ nay em không còn phải chịu cảnh cô độc, đói rét, bất hạnh nữa  + Cách dùng từ ngữ : em, em bé, em gái nhỏ, em gái  => Em bé bán diêm không chỉ hiện lên với thân phận người đau khổ, bất hạnh mà còn có cả sự thơ ngây, trong sáng, đáng yêu như một thiên thần, xứng đáng được hưởng những gì đẹp đẽ, an lành, hạnh phúc nhất. |
| **2.3. Tìm hiểu cách ứng xử của những người đi đường.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv trình chiếu hình ảnh (1) mô phỏng hoàn cảnh của em bé bán diêm trong đêm giao thừa + SGK và yêu cầu:  *+ Cách ứng xử của người đi đường đối với em bé được thể hiện như thế nào?*  *+ Bàn về thái độ, cách ứng xử của người đi đường, có ý kiến phê phán vì họ đã thờ ơ, vô cảm trước một em bé đáng thương. Có ý kiến cho rằng chúng ta cần phải thông cảm với những người đi đường vì họ cũng đang vội vã trong ngày cuối năm, phần vì giá rét nên họ đang muốn nhanh chóng chở về với gia đình của mình. Em có đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?*  *+ Từ đó, em rút ra điệp thông điệp gì mà nhà văn An-đéc-xen gửi gắm?*  *+ Em có suy nghĩ gì về những hình ảnh này? Đã bao giờ em có cách hành xử như những người trong hình chưa?*    *+ Liệu nơi lạnh nhất trên trái đất có phải là Bắc Cực không?*  *+ Bài học mà em rút ra được cho bản thân qua truyện ngắn “Cô bé bán diêm” là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv gọi 4-5 học sinh trình bày ý kiến  - HS trình bày ý kiến cá nhân. HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Cách ứng xử của người đi đường**   - Cách ứng xử của người đi đường  + "Khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em, chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh",  + "khách qua đường vội vã mặc quần áo ấm đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với hoàn cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm",  + "Mọi người bảo nhau: chắc nó muốn sưởi ấm".  => Đây là thái độ và sự ứng xử thờ ơ, thiếu sự đồng cảm và tình yêu thương giữa con người đối với con người.  - Thông điệp mà nhà văn An-đéc-xen gửi gắm: Hãy yêu thương con trẻ! Hãy dành cho trẻ em một cuộc sống bình yên và hạnh phúc! Đồng thời phê phán mạnh mẽ đối với sự thờ ơ, vô cảm trước con người, nhất là trước nỗi bất hạnh của trẻ thơ. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát PHT số 4, yêu cầu HS:  *+ Điền vào cột B các chi tiết, hình ảnh tương phản với cột A. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tương phản đó.*  *+ Khái quát nội dung, ý nghĩa của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cá nhân HS khái quát nội dung, ý nghĩa; thảo luận nhóm bàn để hoàn thành PHT.  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Đan xen yếu tố thật và mộng tưởng  - Kết cấu tương phản, đối lập.  - Trí tưởng tượng bay bổng.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  - Tình cảnh đáng thương của cô bé bán diêm nghèo khổ.  - Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.

**Câu 1:** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của truyện Cô bé bán diêm?

A. Kể về số phận bất hạnh của một em bé nghèo phải đi bán diêm cả vào đêm giao thừa

B. Gián tiếp nói lên bộ mặt của xã hội nơi cô bé bán diêm sống, đó là một cõi đời không có tình người

C. Thể hiện niềm thương cảm của nhà văn đối với những em bé nghèo khổ

**D. Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 2:** Trong tác phẩm Cô bé bán diêm, em bé quẹt que diêm thứ nhất, em bé tưởng chừng ngồi trước một lò sưởi. Ý nào nói đúng về mộng tưởng đó?

A. Em mơ về một mái ấm gia đình.

B. Em nhớ tới ngọn lửa mà bà nhen nhóm năm xưa.

C. Đang trải qua lạnh giá rét mướt, em mơ được sưởi ấm.

**D. Em mơ ngọn lửa và hơi ấm lò sưởi xua tan cảnh tăm tối, lạnh lẽo của đời mình.**

**Câu 3:** Trong văn bản Cô bé bán diêm, mộng tưởng nào không hiện lên sau những lần quẹt diêm của cô bé?

**A. Ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh.**

B. Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.

C. Bàn ăn thịnh soạn với khăn trải bàn trắng tinh; người bà và cảnh hai bà cháu bay lên trời.

D. Cây thông Nô-en được trang trí lộng lẫy.

**Câu 4:** Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?

A. Khi bà nội em hiện ra.

B. Khi trời sắp sáng.

C. Khi em bé nghĩ đến việc sẽ bị người cha mắng.

**D. Khi các que diêm tắt.**

Câu 5: Truyện “Cô bé bán diêm” được viết theo thể loại nào?

A. Tiểu thuyết **C. Truyện ngắn**

B. Bút ký D. Hồi ký

**Câu 6**: Trong truyện “Cô bé bán diêm”, từ “chí nhân được hiểu là

A. Một người có ý chí, nghị lực

**B. Vô cùng nhân từ, hết mực yêu thương**

C. Là người quân tử

D. Là người sẵn sàng hi sinh vì người khác

Câu 7: Biên pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong “Cô bé bán diêm” là?

A. So sánh

B. Nhân hóa

**C. Tương phản**

Đ. Điệp từ

Câu 8: Trong truyện “Cô bé bán diêm”, lí do nào khiến em bé bán diêm không dám trở về nhà dù sắp đến giao thừa?

A. Em bé muốn đi đón giao thừ luôn

B. Em bé không có nhà để về

**C. Cha sẽ đánh em khi em trở về mà không bán được diêm hoặc không ai bố thí cho em đồng nào**

D. Cả ba ý trên đều sai

**Câu 9:** Sự thông cảm, tình thương yêu của nhà văn dành cho cô bé bán diêm được thể hiện qua việc miêu tả những chi tiết nào trong tác phẩm *Cô bé bán diêm*?

A. Miêu tả cảnh hai bà cháu cùng bay lên trời.

B. Miêu tả thi thể em bé với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.

C. Miêu tả các mộng tưởng ở mỗi lần quẹt diêm.

**D. Cả A, B, C đều đúng.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: *Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

HS chia sẻ ở tiết học sau ( nếu có điều kiện)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS về nhà chuẩn bị tiết học sau.

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP BÀI CÔ BÉ** **BÁN DIÊM**

|  |
| --- |
| ***Người ăn xin***  A picture containing person, outdoor, ground  Description automatically generated Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lọm khọm đứng ngay trước mặt tôi.  Đôi mắt ông lão đỏ đọc và giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi thảm hại… Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào!  Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rỉ, cầu xin cứu giúp.  Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.  Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra run lẩy bẩy. Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:  - Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.  Người ăn xin nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt chợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:  - Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. – Ông lão nói bằng giọng khản đặc.  Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì từ ông lão.  Theo *Tuốc-ghê-nhép*  **Câu 1:** Tìm 2 từ ngữ, hình ảnh nói về ngoại hình của người ăn xin?  ……………………………………………………………………………………  **Câu 2:** Nhân vật “tôi” đã nói điều gì với người ăn xin?  ……………………………………………………………………………………  **Câu 3**: Khi người ăn xin rên rỉ cầu xin cứu giúp, “tôi” đã có hành động gì?  ……………………………………………………………………………………  **Câu 4:** Sau cuộc trò chuyện với người ăn xin, nhân vật “tôi” hiểu ra điều gì?  …………………………………………………………………………………… |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Hoàn thành PHT để thấy được bối cảnh diễn ra câu chuyện và cảnh ngộ của em bé bán diêm. Từ đó nêu cảm nhận của mình về nhân vật**

**Bối cảnh diễn ra câu chuyện**

Thời gian:

Không gian:

Thời tiết:

Những người yêu thương em:

**Cảnh ngộ của em bé bán diêm**

**Cảm nhận về N/v**

Cuộc sống thực tại:

Công việc của em:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Những hình ảnh xuất hiện sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện mong ước nào của cô né bán diêm?**

Hình ảnh

………………………………………Mong ước

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Hình ảnh

………………………………………Mong ước

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Hình ảnh

………………………………………Mong ước

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Lần 2**

**Lần 3**

Hình ảnh

………………………………………Mong ước

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Lần 4**

**Lần 1**

Hình ảnh

………………………………………Mong ước

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Lần 5**

**Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của những hình ảnh trên không?**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………........................................................................................**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***A*** | ***B*** | ***Ý nghĩa*** |
| Trời đông giá rét, tuyết rơi |  |  |
| Em bé bụng đói, cả ngày chưa ăn uống gì |  |
| Những ảo ảnh đẹp đẽ khi quẹt diêm |  |  |
| Khung cảnh tươi sáng « mặt trời lên trong sáng, chói chang », không khí tươi vui của ngày đầu năm mới |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 36**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Cụm danh từ và mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được cụm danh từ;

+ Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

**+** Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi, xác định vấn đề của bài học.

**c. Sản phẩm:** Kết quả tham gia trò chơi của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* GV tổ chức trò chơi "Hoa 3 cánh" bằng cách chia lớp thành 3 nhóm.

*+ Sẽ có 3 từ là danh từ, động từ, tính từ tương ứng với 3 nhụy hoa ở trên bảng. Đồng thời có 12 từ tương ứng với 9 cánh hoa (sẽ có 3 từ sai). Các nhóm sẽ lên ghép các cánh hoa với nhụy hoa sao cho từ mới có nghĩa. Mỗi học sinh được lên một lần, được phép lên đổi lại nếu sai. Nhóm nào làm xong trước và đúng nhiều nhất được phần quà*

*+ 3 nhụy hoa: Học sinh, chạy, cao*

*+ 12 từ bao gồm: Những, lớp 6,* ***sách****, nam, bước thấp bước cao, vun vút,* ***hồng****, mất hút, vời vợi, rất, chót vót,* ***xào xạc.***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, bàn bạc

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- Gv tổ chức hoạt động, yêu cầu các nhóm lên ghép từ khóa

- HS học sinh lên bảng ghép từ khóa, nhận xét về mức độ hợp lí của các từ khóa mới tạo thành.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, giới thiệu bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được cụm danh từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: HDHS mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hỏi:  *+ Trời hôm nay thế nào các con? Có bạn thì bảo “Trời mát”, có bạn thì bảo “Trời rất mát”. Bạn nào xác định chủ ngữ, vị ngữ trong hai câu này giúp cô nào? So sánh từ “mát” và “rất mát” (\*)*  *+ Có mấy loại cụm từ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở, định hướng  - Hs quan sát, lắng nghe, suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **(\*)**  *Trời/ mát*  *C V*  *Trời/ rất mát*  *C/ V*  🡪 CN, VN là thành phần chính của câu. Thành phần chính trong câu có thể là một từ: trời, mát ; cũng có thể là một cụm từ  - Cụm từ “rất mát” giúp người nghe hình dung cụ thể hơn về mức độ mát mẻ của thời tiết. | **1. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  - Thành phần chính của câu có thể là một từ, cũng có thể là một cụm từ.  - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu giúp câu được cung cấp nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  - Có nhiều loại cụm từ, nhưng tiêu biểu nhất là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ |
| **\*NV2: HDHS tìm hiểu về cụm danh từ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Ghi tên 3 đồ dùng học tập bất kì vào cột* ***b*** *trong PHT số 1. Sau đó hãy thêm từ ngữ vào cột* ***a*** *và/ hoặc cột* ***c*** *để tạo ra một cụm từ. HS tạo được cụm từ, giáo viên hướng dẫn học sinh cách gọi tên các thành phần trong cụm từ.*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **a** | **b** | **c** | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | 3 |  |  |  | | … |  |  |  |   *+ Nhận xét về vài trò của các từ ở phần phụ trước và phận phụ sau trong 3 cụm từ mới tạo được?(\*)*  *+ Lấy một ví dụ về cụm danh từ (ghi vào PHT số 1)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở, định hướng  - Hs quan sát, lắng nghe, suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung .  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  (\*)  - Các từ ở phần phụ trước: hai cái, cái 🡪 chỉ số lượng  - Các từ ở phần phụ sau: màu hồng, Ngữ văn này, kia  🡪 nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian. | **2. Cụm danh từ**  - Phân tích ví dụ   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần phụ sau | | 1 | Hai cái | bút chì | màu hồng | | 2 | Cái | Com pa | kia | | 3 |  | Cuốn sách | Ngữ văn này | | … |  |  |  |   - Cụm danh từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ  + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện  + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: cụm danh từ

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập;  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung .  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Luyện tập**  **Bài tập 1(SGK/66)**  Cụm danh từ trong các câu là:  a. – *khách qua đường* (*khách*: danh từ trung tâm; *qua đường*: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm);  - *lời chào hàng của em* (*lời*: danh từ trung tâm; *chào hàng*, *của em*: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm);  b. – *tất cả các ngọn nến* (*ngọn nến*: danh từ trung tâm; *tất cả các*: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (tất cả) và chỉ số lượng (các));  - *những ngôi sao trên trời* (*ngôi sao*: danh từ trung tâm; *những*: phần phụ trước, chỉ số lượng; trên trời: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm). |
| **\* NV2: Bài tập 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  **Bài tập 1**  Chia lớp thành 6 nhóm:  *Nhóm 1+3: Đọc đoạn 1, VB Cô bé bán diêm, tìm một cụm danh từ, từ danh từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm danh từ khác*  *Nhóm 2+5: Đọc đoạn 2, VB Cô bé bán diêm, tìm một cụm danh từ, từ danh từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm danh từ khác*  *Nhóm 4+6: Đọc đoạn 3, VB Cô bé bán diêm, tìm một cụm danh từ, từ danh từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm danh từ khác*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả; nhóm cùng chủ đề gv sẽ gọi 1 nhóm báo cáo, nhóm còn lại nhận xét, phản biện và các nhóm khác bổ sung  - HS báo cáo kết quả thảo luận; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **Bài tập 2 (SGK/66)**  \* Cụm danh từ: *Tất cả những que diêm còn lại trong bao*  - Danh từ trung tâm: *que diêm*  - Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Những que diêm cháy sáng lấp lánh;*  *+ Một que diêm bị ngấm nước;*  *+ Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.*  \* Cụm danh từ: *buổi sáng lạnh lẽo ấy*  - Danh từ trung tâm: *buổi sáng*  - Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Buổi sáng hôm nay;*  *+ Những buổi sáng nắng đẹp;*  *+ Một buổi sáng ấm áp.*  \* Cụm danh từ: *một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười*  - Danh từ trung tâm: *em gái*  - Tạo ra ba cụm danh từ khác:  *+ Em gái tôi;*  *+ Em gái có mái tóc dài đen óng;*  *+ Hai em gái có cặp sách màu hồng.* |
| **\* NV3: Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 66;*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Dự kiến sản phẩm:  Tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chính của câu giúp câu văn có thêm nhiều thông tin và thể hiện được nhiều ý tưởng của người viết/nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức . | **Bài tập 3 (SGK/66)**  a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường*. (Chủ ngữ là danh từ *em bé*).  - *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *em bé đáng thương*, *bụng đói rét*).  b. *– Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là danh từ em gái).  - *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.* (Chủ ngữ là cụm danh từ *một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất*).  - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ.  - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ :  + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (*em bé*)  + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (*đáng thương*, *bụng đói rét*; *nhỏ*, *đầu trần*, *chân đi đất*). Từ đó cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm. |
| **\*NV4: Bài tập 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và tự hoàn thành bài tập 4 SGK trang 67;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv quan sát, gợi ý: Hs cần triển khai theo các bước: xác định chủ ngữ của câu, thêm vào trước và/ hoặc sau danh từ trung tâm các từ ngữ phụ thuộc để tạo thành cụm danh từ  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thực hiện;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 4 (SGK/67)**  a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà*  - Chủ ngữ: Gió;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *những cơn gió lạnh/ Từng đợt gió/ Gió mùa Đông Bắc*  b. *Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng*  - Chủ ngữ: Lửa ;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *Ngọn lửa hồng/ Ngọn lửa ấy/ Ngọn lửa liu riu* |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đoạn văn có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi ý

- HS suy nghĩ, viết bài

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả thực hiện;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Cho HS quan sát đoạn văn mẫu:

*Em bé bán diêm đã lịm dần do lạnh và đói quá. Em bé đáng thương ấy thấy bà của mình xuất hiện. Bà nội hiền từ ôm em vào lòng và nói: “Tội nghiệp đứa cháu bé bỏng của bà, từ nay chẳng ai có thể làm đau đớn cháu nữa rồi”. Sau đó, hai bà cháu ghé vào một tiệm quần áo ở đầu phố Hạnh Phúc. Dưới màn sương đêm, cô cháu khoác trên mình chiếc váy dạ màu hồng hớn hở chỉ tay vào một quán ăn đang bốc khói nghi ngút. Có lẽ hai bà cháu sẽ có một đêm giao thừa thật ấm áp và bình yên!*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 37-38**

**GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

***- Thạch Lam -***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Người kể chuyện ngôi thứ ba

- Một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn.

- Đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện.

- Hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

- Bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba

+ Nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;

+ Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra

**3. Về phẩm chất:** Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học; giấy A1 hoặc bảng nhóm, bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời*:*

*+ Đọc nhan đề* ***Gió lạnh đầu mùa****, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?*

*+ Em đã từng trải qua mùa đông chưa? Khi nhắc đến mùa đông, em nghĩ ngay tới điều gì? Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba

- Nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;

- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

- Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **1.1 Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Thạch Lam.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày.  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá, bổ sung hoàn thiện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức lên màn hình ( đồng thời chiếu chân dung tác giả, một số tác phẩn tiêu biểu) | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (1910 – 1942)  - Là thành viên của nhóm viết “Tự lực văn đoàn”;  - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.  - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,... |
| **1.2 Tìm hiểu tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích. Lưu ý quan sát các hộp chỉ dẫn khi đọc.  - GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi:  *+ Nêu hiểu biết của em về văn bản?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.*  *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản.  - GV lưu ý HS quan sát hộp chỉ dẫn.  - Thảo luận cặp đôi, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV gọi HS đọc bài.  - Đại diện cặp đôi trả lời các câu hỏi.  - HS khác theo dõi, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, uốn nắn cách đọc, thái độ học tập. | **2. Tác phẩm**  - *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả;  - Thể loại: truyện ngắn;  - Bố cục:  + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh;  + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **2.1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thái độ của chị em Sơn đối với những bạn nhỏ nghèo khổ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Tổ chức thảo luận nhóm đôi bằng **PHT số 1**  *+ Cuộc sống của gia đình Sơn và những người bạn được thể hiện như thế nào? Nhận xét về cuộc sống đó.*  *+ Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện thái độ của chị em Sơn với những người bạn nghèo?*  *+ Cảm nhận của em về chị em Sơn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Thái độ của chị em Sơn đối với những bạn nhỏ nghèo khổ**  - Cuộc sống của chị em Sơn  + Gia đình có vú già;  + Cách xưng hô: mẹ Sơn gọi con gái là “cô Duyên”, Sơn gọi mẹ “mợ”  + Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;  + Có nhiều quần áo đẹp, mới, lành lặn, ấm áp  🡪Cuộc sống sung túc, giàu có của gia đình trung lưu  - Cuộc sống của những đứa trẻ nghèo  + Mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ;  + Môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;  + Mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau  + Co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay  🡪 Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn  - Thái độ đối với những bạn nhỏ nghèo khổ  + Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn  + Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng, Sơn gọi ra chơi và hỏi “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u mày may cho?”  🡺 Chị em Sơn là những đứa trẻ nhân hậu, thương người, không phân biệt địa vị, giai cấp, giàu nghèo |
| **2.2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật Sơn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức thảo luận nhóm tổ bằng PHT số 2 để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về ý nghĩ của nhân vật  *+ Liệt kê các chi tiết miêu tả ý nghĩ của nhân vật Sơn khi nghe mẹ và vú già nói chuyện và khi nhớ ra cảnh nghèo khổ của Hiên*  *+ Nêu cảm nhận về nhân vật.*  Gv sử dụng phương pháp gợi mở, đàm thoại để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cảm xúc của nhân vật  *+ Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật Sơn**  **\* Ý nghĩ**  - Khi nghe mẹ và vú già trò chuyện  + *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá*;  + *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*.  - Khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên  *+ Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng đã nhớ thương đến em Duyên;*  + *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  🡺 Sơn là cậu bé sống tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương người thân, bạn bè  **\* Cảm xúc**  - Sơn thấy “ấm áp, vui vui”  🡺 Sự chia sẻ, giúp đỡ người khác trước hết sẽ mang đến niềm vui, hạnh phúc cho chình người “cho” |
| **2.3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về hành động của nhân vật Sơn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức thảo luận nhóm 4 học sinh bằng kĩ thuật Khăn trải bàn  *+ Vì sao Sơn đòi lại chiếc áo?*  *+ Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? (học sinh có thể chọn có hoặc không)*  *+ Nhận xét về nghệ thuật khắc họa nhân vật trẻ em của Thạch Lam?*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi, thống nhất để hoàn thiện phiếu  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 3-4 trình bày sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  Bổ sung: Hành động đó làm giảm thiện cảm của em với nhân vật vì thấy Sơn “trẻ con” quá, không giữ lời, đã cho bạn rồi còn đòi lại, làm Hiên mừng hụt và mẹ phải khó xử… | **3. Hành động của nhân vật Sơn**  - Sơn sợ mẹ mắng vì đã tự ý cho Hiên chiếc áo bông cũ  - Vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo cũ.  🡺 Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em. |
| **2.4. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cách ứng xử của hai người mẹ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm lớn, giao nhiệm vụ:  ***Nhóm 1+3:*** *Tìm hiểu về nhân vật mẹ của Hiên*  *+ Giới thiệu vắn tắt về mẹ Hiên*  *+ Cách ứng xử (hành động, lời nói, cách xưng hô) của mẹ Hiên khi con được bạn tặng áo có gì đặc biệt?*  *+ Cảm nhận về mẹ Hiên?*  ***Nhóm 2+4:*** *Tìm hiểu về nhân vật mẹ của chị em Sơn:*  *+ Giới thiệu vắn tắt về người mẹ của chị em Sơn.*  *+ Cách cư xử với mẹ con Hiên có gì đặc biệt? Tại sao mẹ Sơn không cho Hiên chiếc áo bông cũ mà lại cho vay tiền để may cái mới?*  *+ Lời nói “hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?, mẹ Sơn muốn các con hiểu điều gì?*  *+ Cảm nhận về mẹ Sơn?*  *\* Thảo luận chung cả lớp: Từ cách nghĩ và cách ứng xử của các nhân vật trong văn bản, em rút ra được bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  \* Từ cách nghĩ và cách ứng xử của các nhân vật trong văn bản, học sinh cần rút ra bài học:  - Cần biết chia sẻ, cảm thông với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống, không được khinh khi, coi thường, chế nhạo họ.  - Dù cuộc sống có thể nào cũng phải có lòng tự trọng bởi vì đây là thước đo quan trọng để đánh giá nhân cách con người  - Việc tự đưa ra quyết định là cần thiết, tuy nhiên trong một số tình huống cần phải có sự đồng ý của người khác.  - Cha mẹ không nên giáo dục bằng đòn roi, bằng những lời chửi mắng mà nên nói chuyện, phân tích để con hiểu được cái đúng, cái sai  - Không nên có tính tọc mạch, mách lẻo  - Đã cho ai cái gì không nên đòi lại  .... | **4. Cách ứng xử của hai người mẹ**  *a. Mẹ của Hiên*  - Người mẹ nghèo khổ, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc 🡪 không đủ tiền để may áo cho con  - Cách ứng xử  + Hành động: Khi biết con được nhận áo từ chị em Sơn, người mẹ đã mang đến trả  + Lời nói: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ”  + Xưng hô: “tôi”- “cậu”- “mợ”, “bẩm”, “nhà cháu”  🡪 Là người mẹ nghèo nhưng khéo léo, có lòng tự trọng, dạy con phải biết “đói cho sach, rách cho thơm”, và biết tôn trọng người khác  ***b. Mẹ của Sơn***  - Là người phụ nữ giàu có, thuộc tang lớp trung lưu  - Cách cư xử  + Với mẹ con Hiên: Không hề chửi bới, trách móc mà hỏi han hoàn cảnh; cho vay 5 đồng để mẹ Hiên may áo cho con (có lẽ chiếc áo là kỉ vật thiêng liêng, gắn liền với đứa con đã mất nên chị không muốn cho chiếc áo này)  🡪Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.  + Với các con: Nhắc nhở các con không nên tự tiện lấy áo đem cho người khác mà phải xin phép mẹ, nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...  🡪 Cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương  🡺 Đó là cách cư xử đẹp của hai bà mẹ thuộc hai giai cấp khác nhau nhưng đều mang đầy giá trị đạo đức. Cách ứng xử đẹp ấy chính nhờ vào tấm lòng của những em bé. |
| **\* Nhiệm vụ 3: HDHS tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;  - Miêu tả tinh tế  **2. Nội dung, ý nghĩa**  Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Truyện “Gió lạnh đầu mùa” viết về mùa nào trong năm?

1. Mùa xuân.
2. Mùa hạ.
3. Mùa thu.
4. **Mùa đông.**

**Câu 2:** Khi tỉnh dậy, nhân vật Sơn trong truyện “Gió lạnh đầu mùa” nhận thấy điều gì?

1. Mọi người đã ăn sáng cả rồi.
2. Mọi người đã đi làm cả rồi.
3. **Mọi người đã mặc áo rét cả rồi.**
4. Mọi người đang sưởi ấm bên bếp lửa.

**Câu 3:** Dáng vẻ bề ngoài của Hiên trong truyện “ Gió lạnh đầu mùa” được miêu tả như thế nào?

1. Mặc áo bông ấm, mới mua, rất đẹp.
2. **Mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.**
3. Mặc áo bông có vài mảnh vá.
4. Mặc áo len đã cũ.

**Câu 4:** Khi nhìn thấy Hiên “mặc có manh áo rách”, Sơn trong truyện “Gió lạnh đầu mùa” đã thì thầm với chị Lan điều gì?

1. **Hay cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.**
2. Hay cho nó cái áo len cũ này, chị ạ.
3. Hay cho nó cái khăn len cũ này, chị ạ.
4. Hay cho nó đôi tất tay cũ này, chị ạ.

**Câu 5:** Trong truyện “Gió lạnh đầu mùa” khi biết hai chị em Sơn cho Hiên chiếc áo bông cũ, mẹ của hai em đã thể hiện thái độ như thế nào?

1. Rất tức giận, vì các con đã tự ý cho Hiên áo mà chưa xin phép mẹ.
2. Rất buồn, vì các con đã làm trái lời mẹ dạy.
3. **Âu yếm ôm hai chị em vào lòng và tự hào về các con biết yêu thương, chia sẻ.**
4. Đánh mắng hai chị em vì dám cho một vật kỷ niệm thiêng liêng của gia đình.

**Câu 6:** Phương án nào nêu đúng về nghĩa của từ “hanh”

1. **Thời tiết khô và hơi lạnh.**
2. Thời tiết khô và có gió to.
3. Thời tiết mát mẻ và có mưa phùn.
4. Thời tiết mát mẻ, có lúc có mưa dông.

***Câu 7:***Vì sao mẹ Sơn lại cho mẹ Hiên vay tiền mà không cho áo?

A. Vì mẹ Sơn không muốn giúp đỡ người khác;

B. Vì mẹ Sơn muốn lấy lại số tiền cho vay;

C. Vì mẹ Sơn rất quý chiếc áo là kỷ vật của em Duyên;

**D. Vì mẹ Sơn muốn giữ chiếc áo là kỷ vật của em Duyên và vẫn muốn giúp đỡ mẹ Hiên**

***Câu 8:***Vì sao mẹ Hiên lại trả lại chiếc áo?

A. Vì mẹ Hiên chê áo xấu

B. Vì Sơn đòi lại áo

C. Vì mẹ Hiên biết đó là kỷ vật của bé Duyên

**D. Vì mẹ Hiên nghèo nhưng có lòng tự trọng, biết mẹ Sơn chưa có sự đồng ý.**

***Câu 9:***Vì sao những đứa trẻ nghèo không dám lại gần chơi với Sơn và Lan?

A. Vì chúng không thích chơi với những người có điều kiện khá giả;

B. Vì Sơn và Lan có thái độ khinh khỉnh;

**C. Vì chúng ngại cái nghèo của mình, biết thân biết phận;**

D. Cả a và b đều đúng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Cá nhân HS trả lời câu hỏi.

- HS khác có thể trả lời thay nếu bạn chưa đúng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện Gió lạnh đầu mùa. Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

- GV hướng dẫn HS viết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo kết quả ở đầu tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết học sau.

- GV khuyến khích HS tự làm: So sánh nhân vật Hiên và cô bé bán diêm ( gv gợi ý bằng PHT số 3).

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP VĂN BẢN “ GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA”**

**Phiếu học tập số 1:**

**Cuộc sống của những người bạn**

**Cuộc sống của chị em Sơn**

**Chi tiết, hình ảnh miêu tả thái độ**

**Cảm nhận của em về hai chị em Sơn**

**Phiếu học tập số 2**

Liệt kê các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú gì trò chuyện về chiếc áo bông cũ của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹc con Hiên. Từ đó nêu cảm nhận về nhân vật

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Khi nghe mẹ và vú già trò chuyện**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Khi nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên**

Cảm nhận của em về nhân vật Sơn:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**Phiếu học tập số 3**

**So sánh nhân vật Hiên và nhân vật cô bé bán diêm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung so sánh** | | **Hiên** | **Cô bé bán diêm** |
| Giống nhau | |  | |
| Khác nhau | Tên gọi |  |  |
| Cách đối xử của người thân và mọi người xung quanh |  |  |
| Công việc |  |  |
| Kết thúc |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 39**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Cụm từ động từ, cụm tính từ;

- Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, tính từ.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;

+ Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

**+** Nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, tính từ.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính, PHT, bảng phụ.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi, xác định vấn đề của bài học.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thể hiện trên bảng của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”.

+ GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS sử dụng bảng nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

+ Nội dung: *Có 6 hình ảnh tương ứng với 6 động từ và tính từ, học sinh ghi tên động từ, tính từ vào cột giữa. Từ các động từ, tính từ vừa tìm được, hãy thêm vào cột phía trước và/ hoặc cột phía sau chúng những từ đóng vai trò phụ để tạo thành một cụm từ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn học sinh điền đúng vị trí, những chỗ trống sẽ dành cho phần tiếp theo của bài.

- HS quan sát, thảo luận, dự kiến kết quả.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV đại diện các nhóm HS lên bảng treo kết quả.

- Các nhóm quan sát, nhận xét, điều chỉnh.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, giới thiệu bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;

- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

- Biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, tính từ.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kết quả đã thực hiện được ở hoạt động mở đầu để hướng dẫn học sinh tìm hiểu lí thuyết về cụm động từ, cụm tính từ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kết quả HS vừa điền được ở bảng nhóm, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi  *+ Nhìn vào câu (1,2,3) và cho biết, thông thường cụm động từ sẽ có mấy phần, em hãy gọi tên từng phần và nêu đặc điểm của cụm động từ. Lấy một ví dụ về cụm động từ*  *+ Nhìn vào câu (4,5,6) và cho biết, thông thường cụm tính từ sẽ có mấy phần, em hãy gọi tên từng phần và nêu đặc điểm của cụm tính từ. Lấy một ví dụ về cụm tính từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe, quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận  - Gv hướng dẫn để học sinh ghi tên các thành phần + ví dụ vào bảng nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt ý | **I. Cụm động từ và cụm tính từ**  **1. Cụm động từ**  - Cụm động từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: động từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian.  **2. Cụm tính từ**  - Cụm tính từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: tính từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: cụm động từ, cụm tính từ.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Bài tập 1,2,3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  **Bài tập 1**  Chia lớp thành 6 nhóm: (Hs có thể làm cá nhân theo nhiệm vụ được phân công cho nhóm)  *Nhóm 1+3: Đọc đoạn 1, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  *Nhóm 2+5: Đọc đoạn 2, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  *Nhóm 4+6: Đọc đoạn 3, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  **Bài tập 2**  Gv tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khan trải bàn    **Bài tập 3:**  Gv tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm động từ | Động từ trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | ***a*** |  |  |  | | ***b*** |  |  |  | | ***c*** |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả; nhóm cùng chủ đề gv sẽ gọi 1 nhóm báo cáo, nhóm còn lại nhận xét, phản biện và các nhóm khác bổ sung  - HS báo cáo kết quả thảo luận; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Bài tập**  **Bài tập 1/74**  - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*.  Ví dụ:  *(1) chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*;  *(2) hăm hở chạy về nhà lấy áo*  *(3) vẫy hai con lại gần*  - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi; chạy; vẫy*  - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:  (1)  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  (2)  + chạy rất nhanh  + đang chạy trên cao tốc  + chưa kịp chạy  (3)  + đang vẫy đuôi  + đang vẫy tay rối rít  + vẫy tay về phía đoàn tàu  **Bài tập 2/74**  Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:  (1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.  (2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.  (3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  🡪 Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  **Bài tập 3 / 74**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm động từ | Động từ trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | a. | - Nhìn ra ngoài sân  - Thấy đất khô trắng | - Nhìn  - Thấy | - Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*;  - Đối tượng của hành động *thấy*. | | b. | - Lật cái vỉ buồm;  - Lục đống quần áo rét. | Lật;  - Lục. | Đối tượng của hành động *lật*, *lục*. | | c. | Hăm hở chạy về nhà lấy quần áo | Chạy | Cách thức, hướng, địa điểm, mục đích của hành động *chạy*. | |
| **\* NV2: Bài tập 4,5,6**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  **Bài tập 4**  Chia lớp thành 6 nhóm (Hs có thể làm cá nhân theo nhiệm vụ được phân công cho nhóm)  *Nhóm 1+3: Đọc đoạn 3, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  *Nhóm 2+5: Đọc đoạn 1, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  *Nhóm 4+6: Đọc đoạn 2, VB Gió lạnh đầu mùa, tìm một cụm động từ, từ động từ trung tâm của đoạn đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác*  **Bài tập 5:**  Gv tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm động từ | Động từ trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | ***a*** |  |  |  | | ***b*** |  |  |  | | ***c*** |  |  |  |   **Bài tập 6:**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả -> nhận xét chéo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **Bài tập 4 / 74**  - Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*:  *(1)đã cũ; (2)rách tả tơi; (3)không kiêu kì*  - Xác định tính từ trung tâm: *cũ, rách, kiêu kì*  - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:  (1)  + *chưa cũ*;  + *cũ lắm*;  + *rất cũ*.  (2)  + rách màng nhĩ  + chưa rách  + mới rách  (3)  + hết sức kiêu kì  + có phần kiêu kì  + kiêu kì lắm  **Bài tập 5/74 – 75**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Cụm tính từ | Tính từ trung tâm | Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung | | a. | Trong hơn mọi hôm | Trong | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh | | b. | Rất nghèo | Nghèo | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ |   **Bài tập 6 / 75**  Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:  a. Gió rét 🡪 Gió rét tê tái; Gió không rét mấy.  b. Tòa nhà cao 🡪 Tòa nhà cao chót vót; Tòa nhà không cao cho lắm; Tòa nhà quá cao; Tòa nhà còn cao hơn nữa.  c. Cô ấy đẹp 🡪 Cô ấy đẹp nhất đêm nay; Cô ấy rất đẹp |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập ở mức độ cao hơn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nói về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có sử dụng ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS viết:

+ HS viết đúng hình thức và dung lượng

+ Nội dung, đề tài: *cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có sử dụng ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu*

- HS suy nghĩ, viết bài

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo kết quả thực hiện;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Cho HS quan sát đoạn văn mẫu:

*Trên bầu trời xanh cao và rộng, những cánh én chao qua liệng lại, báo hiệu một mùa xuân đã về rồi. Theo bước chân của mùa xuân, vạt cỏ ven đường, bên triền đê trở nên xanh tươi, nõn nà. Trên những cành cây trơ trọi của mùa đông, biết bao chồi non xanh mướt thi nhau chào ngày mới. Và trên những bụi cây xanh suốt mùa đông, thì nay lại chào đón thêm những chú lá mới, đã xanh nay lại càng thêm xanh. Thành phố cũng trở nên tươi vui và rộn rã. Những cửa hàng tươi vui hơn với đủ thứ hàng hóa sặc sỡ, với những hình ảnh trang trí, câu đối, băng-dôn tươi tắn. Dòng người xuống phố cũng vui vẻ hơn, họ chào nhau, dành cho nhau lời chúc tốt lành. Những thay đổi tuyệt vời ấy chính là bởi mùa xuân đã về rồi.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  |  |

**Tiết 40-41**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Kiểu văn bản kể lại một trải nghiệm của bản thân

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm.

+ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập .

**2. Học sinh:** SGK, đọc trước và soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở đàm thoại để học sinh chia sẻ trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Trong bài kiểm tra giữa học kì, em đã viết về trải nghiệm nào của mình? Cảm xúc của em khi viết về trải nghiệm đó?*

*+ Ngoài trải nghiệm đó, em còn có trải nghiệm nào nữa không?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV lắng nghe, quan sát, hỗ trợ, gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Hs chia sẻ cá nhân.

- Gv quan sát, lắng nghe, gợi mở.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* Giáo viên chú ý chỉnh sửa cách diễn đạt cho học sinh.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm.

**b. Nội dung:**

- HS đọc SGK, trao đổi, thảo luận, chắt lọc kiến thức để nắm được yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.

- HS đọc văn bản, hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm để phân tích được bài viết tham khảo.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thành, bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1:** HDHS phân tích bài viết tham khảo  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi:   *+ Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?*  *+ Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?*  *+ Bài viết kể về trải nghiệm gì?*  *+ Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?*  *+ Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?*  *+ Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?*  *+ Dòng, đoạn nào chỉ ra lý do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**   * - HS: * + Đọc SGK và trả lời câu hỏi * + Làm việc cá nhân, cặp đôi để hoàn thiện nhiệm vụ. * - GV: * + Hướng dẫn HS trả lời * + Quan sát, theo dõi HS thảo luận   **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * - GV gọi HS trả lời câu hỏi. * - Cá nhân HS trả lời câu hỏi-> nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** GV nhận xét, kết luận. | * **1. Phân tích bài viết tham khảo**   - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng tôi  - Đoạn mở bài giới thiệu câu chuyện (câu chuyện buồn)  - Nội dung trải nghiệm:    - Trật tự thời gian: *Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà…*; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy 🡪 nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy 🡪 ân hận, v.v…  - *Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ;…*  - *Xấu hổ, ân hận, buồn bã, sợ hãi, v.v…*  - Đoạn cuối: *Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân…* |
| **\* NV2:** HDHS tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Đọc SGK/77, kết hợp với kiến thức có được từ việc phân tích bài viết tham khảo, trình bày các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, chắt lọc kiến thức, dự kiến câu trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  của mình. | **2. Yêu cầu với đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất;  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ;  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra;  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý;  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện;  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS thực hành viết theo các bước.

- Sau khi viết, HS có khả năng chỉnh sửa bài viết cho mình, cho bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của học sinh, PHT đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

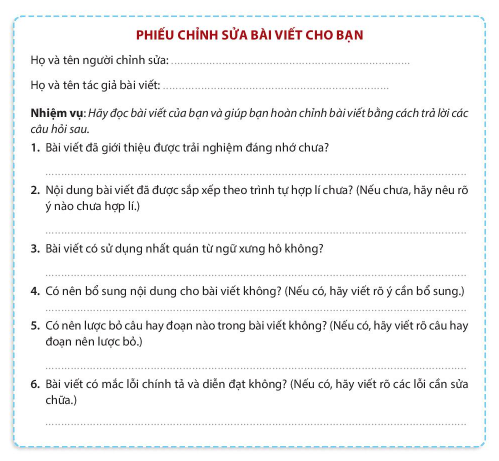
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:** HDHS lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  + Hướng dẫn HS tìm ý.  + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi:  *1. Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?*  *2. Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?*  *3. Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?*  *4. Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?*  *5. Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?*  *6. Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng như thế nào đối với em?*  + Từ các ý vừa tìm, HS sắp xếp thành dàn ý  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá. | **3. Thực hành viết**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý |
| **\* NV2:** HDHS viết bài  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn ở nhà.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS viết bài ở nhà ( mục lưu ý)  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS nộp bài viết cho GV trước khi tiến hành tiết học sau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS. | **b. Viết bài**  - Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh  - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm  - Lưu ý:  + Bám sát dàn ý khi viết bài  + Sử dụng các chi tiết miêu tả thời gian, không gian, nhân vật, diễn biến câu chuyện  + Rút ra kết luận thuyết phục về ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân |
| **\* NV3:** HDHS chỉnh sửa bài viết  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu 1-3 bài viết của HS lên màn hình, yêu cầu cả lớp quan sát, đánh giá theo bảng kiểm ( PHT số 1).  - Sau khi đánh giá bài chung, GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi chỉnh sửa bài viết cho nhau ( PHT số 2).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đánh giá, chỉnh sửa theo phiếu.  - HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS nộp lại bài viết và phiếu.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS; hướng dẫn HS chuẩn bị tiết nói. | **c. Chỉnh sửa bài viết** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Bảng kiểm bài viết kể lại một trải nghiệm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Dùng ngôi thứ nhất để kể |  |  |
| Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm |  |  |
| Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc |  |  |
| **Thân bài** | Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện |  |  |
| Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan |  |  |
| Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí |  |  |
| Kết hợp kể và tả |  |  |
| Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí |  |  |
| **Kết bài** | Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể lại |  |  |
| Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  |  |

**Tiết 42**

**NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Quy trình kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.đảm bảo các bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích; tìm ý và lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu đánh giá theo tiêu chí .

**2. Học sinh:** SGK, đọc trước và soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hỏi: *Khi chia sẻ trải nghiệm cá nhân cho mọi người, em cảm thấy điều gì là khó khăn nhất với em ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

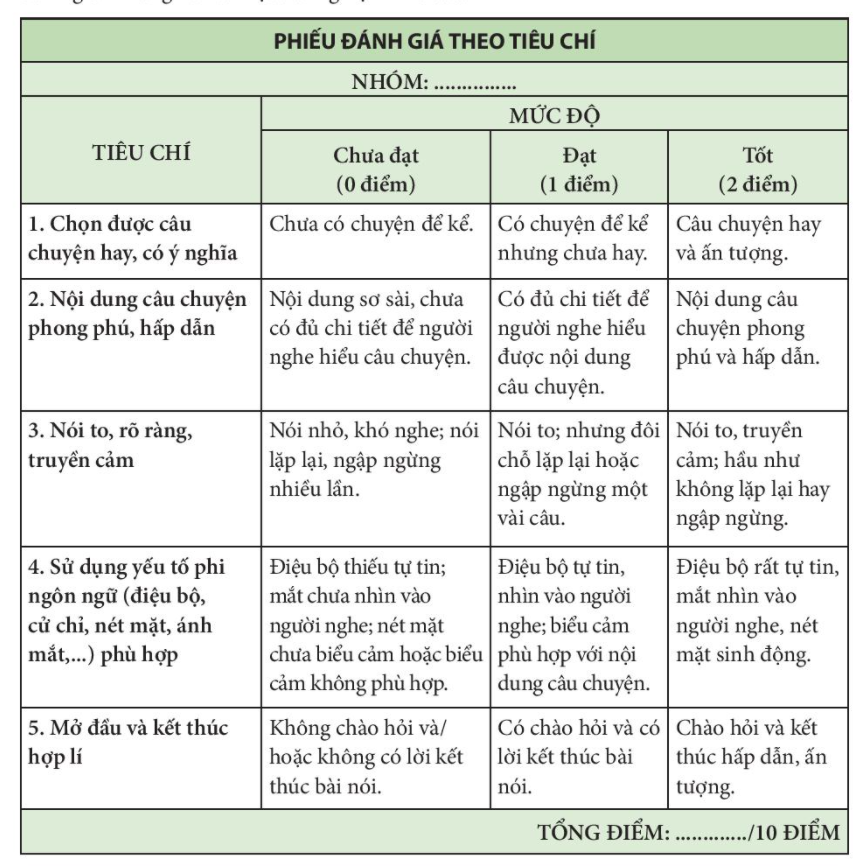
**a. Mục tiêu:** Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân đảm bảo các bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích; tìm ý và lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nội dung đã được chuẩn bị để tiến hành theo các bước.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS; phiếu đánh giá theo tiêu chí đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS chuẩn bị trước khi nói  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Các nhóm luyện nói.  - GV quan sát, điều hành hoạt động.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc của các nhóm. | **1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  - Đánh dấu những từ ngữ, câu văn quan trọng  + Câu văn giới thiệu trải nghiệm muốn kể  + Những từ ngữ giới thiệu thời gian, không gian, nhân vật trong câu chuyện  + Những câu văn trình bày diễn biến của câu chuyện.  + Những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể  - Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày bài nói như: thời gian, không gian, nhân vật, sự việc, cảm xúc của bản thân.  **b. Tập luyện** |
| **\*NV2: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Nhắc học sinh một số lưu ý  + Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài nói của bạn (có thể dung nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe và chuẩn bị nội dung nói ( các nhóm cử đại diện nói tốt nhất để trình bày trước lớp).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày bài nói.  - GV, HS lắng nghe, đánh giá vào bảng tiêu chí.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi. | **2. Trình bày bài nói**  - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói  - Xưng hô thống nhất, tập trung vào diễn biến câu chuyện  - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp  - Có thể sử dụng các ghi chú  - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, kỉ vật…) |
| **\* NV3: Tìm hiểu bước sau khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: *yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá theo tiêu chí và nhận xét bài nói của bạn.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phiếu.  - Gv quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động đánh giá chung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận các yêu cầu của bài nói; yêu cầu HS về nhà chuẩn bị cho tiết trả bài kiểm tra giữa học kì I. | **3. Sau khi nói** |



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |

**Tiết 43**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Từ đơn, từ ghép, từ láy.

- Phép so sánh và tác dụng của so sánh.

- Đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

- Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm.

- Các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được người kể, ngôi kể trong văn bản truyện.

+ Nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy.

+ Hiểu được phép so sánh và tác dụng của so sánh trong ngữ cảnh cụ thể.

+ Khái quát được đặc điểm của nhân vật qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

+ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

+ Biết tự đánh giá những ưu- nhược điểm trong bài làm của mình, bài làm của bạn để rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra sau.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** KHBD, máy tính, bài viết của HS đã chấm

**2. Học sinh**: chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hỏi:  *Em đánh giá thế nào về bài kiểm tra giữa học kì I của mình? (ưu, nhược điểm)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được người kể, ngôi kể trong văn bản truyện.

- Nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy.

- Hiểu được phép so sánh và tác dụng của so sánh trong ngữ cảnh cụ thể.

- Khái quát được đặc điểm của nhân vật qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

- Biết tự đánh giá những ưu- nhược điểm trong bài làm của mình, bài làm của bạn để rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra sau.

**b. Nội dung:** GV sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, hướng dẫn HS xây dựng đáp án cho bài làm; đánh giá được năng lực đọc, viết của bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** nhận thức và câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS tìm hiểu yêu cầu của đề và xây dựng đáp án  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu đề, yêu cầu HS:  *+ Thảo luận cặp đôi xây dựng đáp án cho phần Đọc- hiểu;*  *+ Cá nhân nhắc lại yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận cặp đôi, làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi:  + Đại diện cặp đôi trả lời lần lượt các câu hỏi ở phần Đọc- hiểu;  + Cá nhân nhắc lại yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.  - HS thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét sau mỗi câu trả lời và kết luận. | **1. Yêu cầu của đề và xây dựng đáp án** |
| **I. ĐỌC- HIỂU ( 4,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** | | **1** | - Truyện được kể qua lời của nhân vật *tôi* ( Dế Mèn).  - Ngôi kể thứ nhất. | 0,5  0,5 | | **2** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | Từ ghép | Từ láy | | *tôi, nghe, người* | *bóng mỡ, ưa nhìn* | *hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh* | | 1,0 | | **3** | - Phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn:  + *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*  *+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*  - Tác dụng: phép so sánh trong đoạn văn đã góp phần khắc họa sinh động, cụ thể vẻ đẹp hình thể khỏe mạnh, cường tráng của Dế Mèn. | 0,5  0,5 | | **4** | - Nhân vật “ tôi” ( Dế Mèn) mang vóc dáng của một chàng dế thanh niên khỏe mạnh, cường tráng song tính cách lại có phần kiêu căng, tự phụ. | 1,0 | |  |  | **4,0** |   **II. LÀM VĂN ( 6,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý** | **Kiến thức, kĩ năng cần đạt được** | **Điểm** | | a | *Đảm bảo cấu trúc bài văn:* có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. | 0,25 | | b | *Xác định đúng kiểu bài:* Kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất. | 0,25 | | c | *Triển khai nội dung:* |  | | **- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm đáng nhớ. | 0,5 | | **- Thân bài:** Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  + Giới thiệu thời gian, không gian và những nhân vật có liên quan.  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện. | 1,0  3,0 | | **- Kết bài:** Cảm xúc của bản thân trước sự việc được kể. | 0,5 | | d. | *Chính tả, ngữ pháp tiếng Việt:* Bài viết đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | 0,25 | | e. | *Sáng tạo:* Kể chuyện sinh động, hấp dẫn, mới mẻ. | 0,25 | |  |  | **6,0** | |  | **Tổng toàn bài** | **10,0** | | |
| **\* NV2.** HDHS đánh giá bài làm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhận xét chung, sau đó yêu cầu HS:  *+ Cặp đôi trao đổi bài cho nhau, đối chiếu với đáp án, chỉ ra những ưu- nhược điểm trong bài làm của bạn.*  *+ Quan sát một số lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và sửa lại cho đúng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chọn 1-2 bài khá, 1-2 yếu đọc trước lớp; GV tổ chức cho HS:  + Đánh giá chung trước lớp.  + Chữa một số lỗi phổ biến về chính tả, dùng từ, đặt câu.  - HS thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá và lưu ý HS các lỗi về chính tả, diễn đạt, cách trình bày bài.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau. | **2. Nhận xét**  **\* Ưu điểm**:  - Một số HS trả lời khá đầy đủ, đúng các câu hỏi.  - Trình bày bài theo bố cục 3 phần rõ ràng.  - Tập trung vào sự việc được kể.  - Nêu được cảm xúc của bản thân trước sự việc được kể.  **\* Nhược điểm:**  - Một số bài viết còn sai chính tả, chữ xấu, trình bày cẩu thả.  - Một số diễn đạt chưa rõ ràng, trả lời chưa đủ ý.  - Nội dung kể còn sơ sài...  **3. Trả bài- chữa lỗi** |